



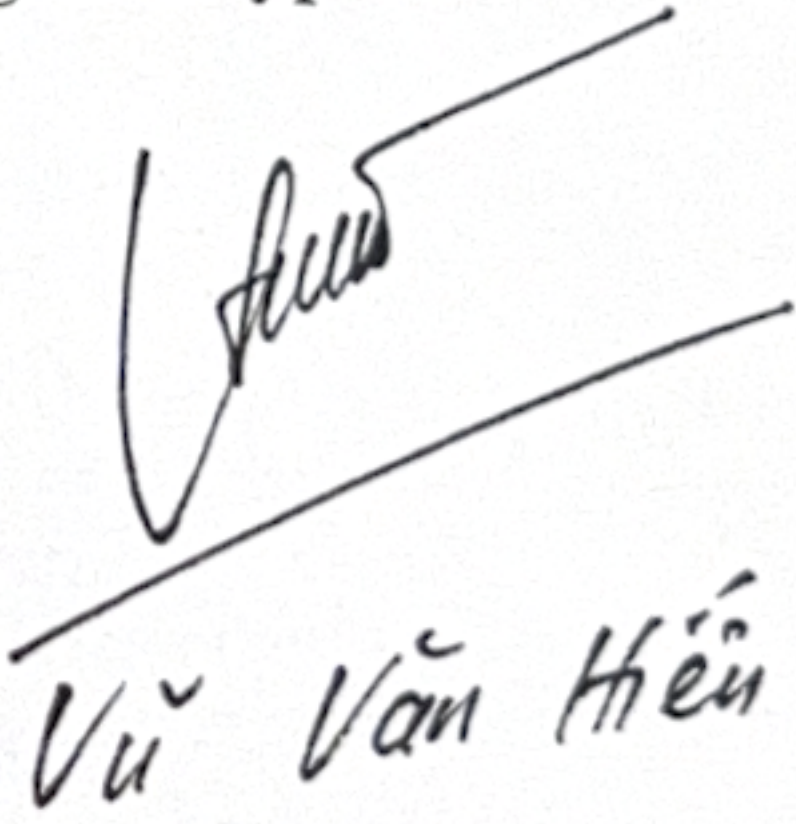
02

BẢNG KÊ LÂM SẢN
(Kèm theo biên bản làm việc ngày 08./6.../2019)

STT	Tên gỗ	Nhóm	Số hiệu	Chiều dài(m)	Rộng(m)	Dày(m)	Số lượng	Khối lượng(m ³)
1	Nghiến	IIA	1	3	0,13	0,06	1	0,023
2	Nghiến	IIA	2	3	0,24	0,06	1	0,043
3	Nghiến	IIA	3	2,9	0,2	0,06	1	0,034
4	Nghiến	IIA	4	3	0,25	0,06	1	0,045
5	Nghiến	IIA	5	3,1	0,25	0,06	1	0,045
6	Nghiến	IIA	6	3	0,25	0,06	1	0,045
7	Nghiến	IIA	7	3,1	0,25	0,06	1	0,046
8	Nghiến	IIA	8	2	0,25	0,07	1	0,035
9	Nghiến	IIA	9	3	0,14	0,06	1	0,025
10	Nghiến	IIA	10	2,1	0,15	0,07	1	0,022
11	Nghiến	IIA	11	1,6	0,25	0,07	1	0,028
12	Nghiến	IIA	12	3	0,14	0,06	1	0,025
13	Nghiến	IIA	13	3	0,14	0,07	1	0,029
14	Nghiến	IIA	14	2	0,2	0,08	1	0,032
15	Nghiến	IIA	15	3,1	0,25	0,06	1	0,045
16	Nghiến	IIA	16	2,1	0,21	0,06	1	0,026
17	Nghiến	IIA	17	3	0,25	0,06	1	0,045
18	Nghiến	IIA	18	3	0,25	0,065	1	0,049
19	Nghiến	IIA	19	2,9	0,2	0,065	1	0,037
20	Nghiến	IIA	20	3	0,23	0,06	1	0,041
21	Nghiến	IIA	21	2,9	0,25	0,065	1	0,047
22	Nghiến	IIA	22	3	0,25	0,065	1	0,048
23	Nghiến	IIA	23	3,1	0,25	0,055	1	0,041

24	Nghiên	IIA	24	3	0,25	0,06	1	0,045
25	Nghiên	IIA	25	0,8	0,1	0,1	1	0,008
26	Nghiên	IIA	26	0,9	0,12	0,11	1	0,011
27	Nghiên	IIA	27	0,8	0,95	0,1	1	0,077
28	Nghiên	IIA	28	0,9	0,13	0,11	1	0,012
29	Nghiên	IIA	29	0,9	0,22	0,12	1	0,022
30	Nghiên	IIA	30	1	0,14	0,135	1	0,018
31	Nghiên	IIA	31	1,6	0,25	0,065	1	0,026
32	Nghiên	IIA	32	1,6	0,26	0,065	1	0,027
33	Nghiên	IIA	33	1	0,15	0,11	1	0,016
34	Nghiên	IIA	34	1,6	0,25	0,12	1	0,048
35	Nghiên	IIA	35	1,8	0,2	0,08	1	0,028
36	Nghiên	IIA	36	1,6	0,26	0,07	1	0,029
37	Nghiên	IIA	37	2	0,25	0,06	1	0,030
Tổng								1,253

Người lập biểu


Vũ Văn Hiến